

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ ĐỒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## HỒ SƠ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH  
DỰ ÁN: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG QUẢNG BẠCH - BẢNG  
PHÚC, HUYỆN CHỢ ĐỒN**

*(Đã chỉnh sửa theo Báo cáo thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương  
đầu tư điều chỉnh số 304/BC-HĐTĐ ngày 02/5/2024)*

*Chợ Đồn, tháng 5 năm 2024*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ ĐỒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Chợ Đồn, ngày 03 tháng 5 năm 2024

## **BÁO CÁO**

### **Đề xuất chủ trương đầu tư điều chỉnh dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Quảng Bạch – Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về đầu tư chủ trương dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn*

*Căn cứ Nghị Quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn.*

*Căn cứ Văn bản số 2615/UBND-GTCNXD ngày 23/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn;*

Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn trình Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn với các nội dung chính như sau:

#### **I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN**

**(Đã thông qua tại Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; Nghị Quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)**

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn.

**2. Dự án nhóm:** Nhóm B.

**3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư:** Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

**4. Cấp quyết định đầu tư:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

**5. Tên Chủ đầu tư:** Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn.

**6. Địa điểm thực hiện dự án:** Huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

**7. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 146.000 triệu đồng.**

\* Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách nhà nước.

\* Cơ cấu nguồn vốn:

- Nguồn vốn ngân sách huyện Chợ Đồn: 20 tỷ đồng.

- Nguồn vốn Ngân sách trung ương: 126 tỷ đồng

**8. Thời gian thực hiện:** năm 2022 - 2025

**9. Quy mô đầu tư.**

Xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn với chiều dài khoảng 15,9 km (*tăng 0,9 km*).

Trong đó:

- Tận dụng đoạn đầu tuyến có chiều dài khoảng 2,5 km từ QL.3C thuộc xã Quảng Bạch đến xã Tân Lập đã có mặt đường bê tông xi măng (*không cải tạo, nâng cấp*).

- Mở mới đoạn tuyến có chiều dài khoảng 13,4 km với quy mô đường giao thông nông B (theo TCVN 10380:2014), chằm trước những đoạn khó khăn điểm đầu cách QL.3C khoảng 2,5km, tiếp giáp với đoạn đường bê tông xi măng được tận dụng, thuộc địa phận xã Tân Lập; điểm cuối kết nối với tuyến đường từ thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể, thuộc địa phận xã Bằng Phúc.

## II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHẦN DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH

**1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện thực hiện đầu tư, đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch liên quan:**

### 1.1. Sự cần thiết và lý do điều chỉnh

“Dự án Tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị Quyết số 47/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; điều chỉnh chủ trương tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi tại Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 21/10/2023.

Hiện nay dự án đã hoàn thành công tác khảo sát, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; theo số liệu khảo sát, thiết kế quy mô đầu tư xây dựng có sự thay đổi so với nghị quyết Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể:

<b>Quy mô theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/10/2022</b>	<b>Quy mô theo Quyết định số 1930/QĐ-UBND ngày 21/10/2023</b>	<b>Quy mô đề nghị điều chỉnh sau khi đầu tư xây dựng khảo sát, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở</b>
Tổng chiều dài 15,9Km	Tổng chiều dài 15,895 Km	Quy mô đầu tư xây dựng tăng chiều dài tuyến lên so với bước

		thiết kế cơ sở đã được duyệt 0,605Km ( <i>phê duyệt là 15,895 Km</i> ) tăng so với Nghị quyết là 0,6km ( <i>số liệu sau khảo sát, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở là 16,5km</i> )
--	--	---

\* Lý do tăng: Do điều chỉnh cục bộ hướng tuyến triệt giảm các đoạn tuyến đôi dốc còn thiết kế chêm chước từ 700m về 300m (đối với 4 đoạn tuyến trong dự án đã được phê duyệt); tổng khối lượng đào, đắp đất, đá giảm khoảng 190.000m<sup>3</sup>; diện tích đất chiếm dụng giảm khoảng 5,5ha; chi phí đầu tư xây dựng giảm khoảng 5,5tỷ

Với kết quả như trên, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư do thay đổi quy mô đầu tư là hết sức cần thiết; sau khi điều chỉnh sẽ mang lại hiệu quả đầu tư cao cho dự án và phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019, Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

### **1.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư xây dựng:**

Kinh phí thực hiện dự án được tính toán phù hợp với quy định hiện hành và phù hợp với tiến độ thực hiện dự án. Trước khi triển khai thực hiện, các nguồn vốn để thực hiện dự án sẽ được cơ quan có thẩm quyền cân đối và thẩm định.

Khả năng đáp ứng nhu cầu về sử dụng đất, giải phóng mặt bằng, cung cấp vật liệu, nhân lực và máy móc trên địa bàn là thực hiện được. Dự án cũng nhận được sự ủng hộ, nhất trí cao của các cơ quan, đơn vị liên quan và nhân dân trong khu vực nên việc triển khai dự án sẽ gặp nhiều thuận lợi.

### **1.3. Đánh giá về phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:**

Hiện tại Sở Xây dựng tỉnh Bắc Kạn đang tổng hợp lấy ý để trình phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm và kết nối liên vùng Chợ Đồn, Ba Bể, Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn trong đó có dự án Tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc được quy hoạch với quy mô đường giao thông nông thôn loại B.

## **2. Nội dung điều chỉnh**

### **Quy mô điều chỉnh, bổ sung:**

<b>Quy mô dự án đã phê duyệt tại Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18/10/2022 của HĐND tỉnh</b>	<b>Quy mô sau khi điều chỉnh,</b>
Quy mô đầu tư xây dựng sau điều chỉnh: Xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn với	Quy mô đầu tư xây dựng sau điều chỉnh: Xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn với chiều

<p>chiều dài khoảng 15,9 km (tăng 0,9 km). Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tận dụng đoạn đầu tuyến có chiều dài khoảng 2,5 km từ QL.3C thuộc xã Quảng Bạch đến xã Tân Lập đã có mặt đường bằng bê tông xi măng (không cải tạo, nâng cấp).</li> <li>- Mở mới đoạn tuyến có chiều dài khoảng 13,4 km với quy mô đường giao thông nông thôn loại B (theo TCVN 10380:2014), chằm trước những đoạn khó khăn điểm đầu cách QL.3C khoảng 2,5km, tiếp giáp với đoạn đường bê tông xi măng được tận dụng, thuộc địa phận xã Tân Lập; điểm cuối kết nối với tuyến đường từ thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể, thuộc địa phận xã Bằng Phúc.</li> </ul>	<p>dài khoảng 16,5 km. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tận dụng đoạn đầu tuyến có chiều dài khoảng 2,5 km từ QL.3C thuộc xã Quảng Bạch đến xã Tân Lập đã có mặt đường bằng bê tông xi măng (không cải tạo, nâng cấp).</li> <li>- Mở mới đoạn tuyến có chiều dài khoảng 14 km với quy mô đường giao thông nông thôn loại B (theo TCVN 10380:2014), chằm trước những đoạn khó khăn điểm đầu cách QL.3C khoảng 2,5km, tiếp giáp với đoạn đường bê tông xi măng được tận dụng, thuộc địa phận xã Tân Lập; điểm cuối kết nối với tuyến đường từ thành phố Bắc Kạn - hồ Ba Bể, thuộc địa phận xã Bằng Phúc.</li> </ul>
---	---

### 3. Xác định sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội sau khi điều chỉnh:

Dự án sau khi điều chỉnh vẫn đáp ứng được mục tiêu phục vụ dân sinh và phát triển du lịch; góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh của địa phương; đảm bảo cho xã Tân Lập có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại được 4 mùa phục vụ công tác cứu hộ, cứu nạn trong trường hợp khẩn cấp và phù hợp với khả năng cân đối vốn của địa phương.

### 4. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường đất:

Nội dung được duyệt	Nội dung chiếm dụng
<p>Tổng diện tích đất chiếm dụng dự kiến: 359.870m<sup>2</sup>. Trong đó dự kiến các loại đất như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đất trồng lúa: 9.500m<sup>2</sup>;</li> <li>- Đất nông nghiệp + Nuông rẫy: 13.340m<sup>2</sup></li> <li>- Đất trống: 27.027m<sup>2</sup></li> <li>- Đất rừng phòng hộ: 101.900m<sup>2</sup></li> <li>- Rừng tự nhiên: 136.600m<sup>2</sup></li> <li>- Rừng sản xuất: 17.600m<sup>2</sup></li> <li>- Đất rừng trồng: 35.340m<sup>2</sup></li> <li>- Đất khác: 18.400m<sup>2</sup></li> </ul> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đất xây dựng công trình: 254.287m<sup>2</sup></li> <li>- Đất thu hồi làm bãi đỗ đất thừa: 105.580m<sup>2</sup></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dự án có tổng diện tích chiếm dụng đất vĩnh viễn khoảng 304.870 m<sup>2</sup> trong đó:</li> <li>- Rừng tự nhiên là 173.160m<sup>2</sup> (phòng hộ 82.090m<sup>2</sup>; sản xuất 89.600 m<sup>2</sup>; ngoài quy hoạch 3 loại rừng 1.410m<sup>2</sup>).</li> <li>- Rừng trồng là 98.000 m<sup>2</sup> (phòng hộ 1.870 m<sup>2</sup>; sản xuất 92.050 m<sup>2</sup>; ngoài quy hoạch 3 loại rừng 4.080 m<sup>2</sup>).</li> <li>- Đất trồng lúa: 9.500m<sup>2</sup>;</li> <li>- Đất còn lại : 8.800m<sup>2</sup> bao gồm đất BHK, SON, DGT, DTL,</li> <li>- Đất trống: 15.410m<sup>2</sup></li> </ul>

- Diện tích đất chiếm dụng sau khi thực hiện thiết kế bản vẽ thi công 304.870 m<sup>2</sup> nhỏ hơn so với chủ trương được duyệt là 359.870m<sup>2</sup>. Do điều chỉnh cục bộ hướng tuyến triệt giảm các đoạn tuyến đổi dốc còn thiết kế chằm chước từ 700m về 300m tuyến đi bán sát địa hình tự nhiên kéo theo mặt cắt ngang chiếm dụng giảm, số liệu khảo sát chi tiết hơn.

- Đồi Rừng tự nhiên là 173.160 m<sup>2</sup> (*phòng hộ 82.090.m<sup>2</sup>; sản xuất 89.600 m<sup>2</sup>; ngoài quy hoạch 3 loại rừng 1.410m<sup>2</sup>*).; Rừng trồng là 98.000 m<sup>2</sup> (*phòng hộ 1.870 m<sup>2</sup>; sản xuất 92.050 m<sup>2</sup>; ngoài quy hoạch 3 loại rừng 4.080 m<sup>2</sup>*) đã được Hội đồng thẩm định hồ sơ, hiện trường đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tại báo số 36/BC-HĐTD ngày 15/02/2024.

- Việc tăng quy mô chiều dài tuyến từ 15,9km lên 16,5km (tăng 0,6km), đồng thời lại giảm khối lượng đất đào, đắp khoảng 190.000m<sup>3</sup>, nên không có nguy cơ làm tăng tác động xấu đến môi trường.

### **5. Tổng mức đầu tư:**

- Các căn cứ xác định:

+ Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ, về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

+ Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

+ Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành định mức xây dựng;

+ Căn cứ kết quả khảo sát, lập dự án do đơn vị tư vấn tại thời điểm hiện tại

+ Các văn bản hiện hành khác có liên quan;

- Phương pháp xác định Tổng mức đầu tư: Xác định từ khối lượng xây dựng tính theo thiết kế bản vẽ thi công vào thời điểm hiện tại của dự án.

- Tổng mức đầu tư dự án sau điều chỉnh: 146 tỷ đồng (không thay đổi).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	96.943	triệu đồng
- Chi phí QLDA, Tư vấn và các chi phí khác:	24.466	triệu đồng
- Chi phí dự phòng:	15.421	triệu đồng
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:	9.170	triệu đồng

(Có biểu chi tiết các chi phí thực hiện kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện Chợ Đồn trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư của dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường Quảng Bạch - Bằng Phúc, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn./.

*(Báo cáo này thay thế Báo cáo số 166/BC-UBND ngày 24/4/2024 của UBND huyện Chợ Đồn)*

**Nơi nhận:**

*Gửi bản điện tử:*

- Như kính gửi (đ/nghị);
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Giao thông vận tải;
- TT HĐND huyện;
- LĐ UBND huyện;
- LĐVP HĐND&UBND;
- Phòng Kinh tế và Hạ tầng;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- BQL dự án ĐTXD huyện;
- UBND các xã: Quảng Bạch, Tân Lập, Bằng Phúc.

*Gửi bản giấy:*

- Như kính gửi;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Triệu Huy Chung**

<b>BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH</b>						
<b>DỰ ÁN: XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG QUẢNG BẠCH – BẢNG PHÚC, HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN</b>						
<i>Đơn vị: Việt Nam Đồng</i>						
<b>STT</b>	<b>HẠNG MỤC</b>	<b>Cách tính</b>	<b>Hệ số</b>	<b>Tổng chi phí QĐ 1930/QĐ-UBND ngày 21/10/2023</b>	<b>Chi phí điều chỉnh</b>	<b>Tổng chi phí điều chỉnh</b>
<b>A</b>	<b>CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ (LÀM TRÒN)</b>			<b>9.169.792.000</b>	<b>-</b>	<b>9.169.792.000</b>
	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đã gồm dự phòng)	Bảng tính		9.169.792.000	-	9.169.792.000
<b>B</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>			<b>102.418.294.000</b>	<b>-5.474.464.000</b>	<b>96.943.831.000</b>
1	Chi phí xây dựng phần giao thông	Dự toán chi tiết		102.418.294.448	-5.474.463.851	96.943.830.597
<b>C</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN (TT số 12/2021/TT-BXD) (LÀM TRÒN)</b>	$Gxd \times 1,843\% \times 1,35 \times 0,8$	<b>1,843%</b>	<b>1.853.250.000</b>	<b>-108.966.000</b>	<b>1.744.284.000</b>
<b>D</b>	<b>CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (LÀM TRÒN)</b>			<b>12.960.741.000</b>	<b>14.228.000</b>	<b>12.974.968.000</b>
1	Chi phí khảo sát, lập nhiệm vụ khảo sát, báo cáo nghiên cứu khả thi	Phụ lục 02 HĐ 50A/2021/HĐTV ngày 24/10/2022		2.800.187.000	-241.189.504	2.558.997.496
2	Chi phí giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi	QĐ 1846/QĐ-UBND huyện chợ Đồn ngày 28/7/2021		110.539.098		110.539.098
3	Chi phí thiết kế báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh	Tạm tính			307.079.700	307.079.700
4	Chi phí khảo sát bước thiết kế bản vẽ thi công	Tạm tính		4.500.000.000		5.518.038.000
5	Chi phí lập TKBVTC + dự toán	Tạm tính		1.018.038.000		
6	Chi phí giám sát khảo sát bước lập thiết kế bản vẽ thi công	QĐ 2010/QĐ-UBND ngày 3/10/2023		164.790.000	-	299.790.000



7	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát bước lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán			135.000.000		
8	Chi phí tư vấn đo đạc, lập phương án chuyển mục đích sử dụng rừng	QĐ 3088/QĐ-UBND ngày 30/9/2022		302.788.097	-	302.788.097
9	Chi phí Tư vấn lập phương án trồng rừng thay thế	QĐ 2010/QĐ-UBND ngày 3/10/2023		100.000.000	-	100.000.000
10	Chi phí tư vấn khảo sát, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	QĐ 3604/QĐ-UBND ngày 08/11/2022		780.941.500	-	780.941.500
11	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	QĐ 4710/QĐ-UBND huyện Chợ Đồn ngày 20/9/2021		93.000.000	-	93.000.000
12	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	QĐ 3958/QĐ-UBND ngày 15/11/2023		90.128.000	-	177.184.000
13	Chi phí thẩm tra dự toán công trình			87.056.000		
14	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi	QĐ 4670/QĐ-UBND huyện Chợ Đồn ngày 15/5/2021		18.269.921	-	18.269.921
15	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn KS+lập TKBVTC-DT	$(Gkstkctc+Gtk) \times 0,2\%$	0,200%	11.036.000	-817.411	10.218.589
16	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn giám sát	$(Ggstcx) \times 0,2\%$	0,200%	3.691.000	-401.960	3.289.040
17	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu kiểm toán độc lập	Tối thiểu		1.000.000	1.000.000	2.000.000
18	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu thi công xây dựng	$(Gxd) \times 0,2\%$	0,200%	186.215.000	-9.953.489	176.261.511
19	Chi phí giám sát thi công XD	$(Gxd) \times 1,866\%$	1,866%	1.845.578.000	-36.606.114	1.808.971.886
20	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	Tạm tính		50.000.000	-	50.000.000
21	Chi phí giám sát, đánh giá đầu tư (NĐ 84/2015/NĐ-CP)	$Gqla \times 20\%$	20%	407.715.000	-	407.715.000
22	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn khảo sát lập báo cáo NCKT	QĐ 4670/QĐ-UBND huyện Chợ Đồn ngày 15/5/2021		2.644.457	-	2.644.457

23	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn KS+lập TKBVTC-DT	$0,1\% \times (\text{Gksbvtc} + \text{Gtk})$	0,100%	5.016.000	93.294	5.109.294
24	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn giám sát (Nghị Định 63/2014/NĐ-CP)	Tối thiểu		2.000.000	-	2.000.000
25	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm toán độc lập (Nghị Định 63/2014/NĐ-CP)	Tối thiểu		2.000.000	-	2.000.000
26	Chi phí thẩm định HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây dựng (Nghị Định 63/2014/NĐ-CP)	$0,1\% \times (\text{Gxl})$	0,100%	93.107.540	-4.976.785	88.130.755
27	Chi phí tư vấn quan trắc và giám sát môi trường trong quá trình thi công xây dựng	Tạm tính		80.000.000	-	80.000.000
28	Tư vấn thẩm tra an toàn giao thông giai đoạn trước khi đưa công trình vào khai thác	Tạm tính		30.000.000	-	30.000.000
29	Chi phí giám sát rà phá bom mìn	Tạm tính		40.000.000	-	40.000.000
<b>E</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC (LÀM TRÒN)</b>			<b>7.338.010.000</b>	<b>2.408.587.000</b>	<b>9.746.597.000</b>
1	Chi phí bảo hiểm công trình (67/2023/NĐ-CP)	$\text{Gxd} \times 0,25\%$	0,25%	256.045.735	-13.686.158	242.359.578
2	Phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	$\text{TMĐT} \times 0,011\% \times 50\% \times 50\%$	0,003%	4.015.000	-	4.015.000
3	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC (Thông tư 27/2023/TT-BTC)	$\text{Gxd} \times 0,059\% \times 50\%$	0,0295%	53.391.000	-27.392.427	25.998.573
4	Chi phí thẩm định dự toán công trình (Thông tư 27/2023/TT-BTC)	$\text{Gxd} \times 0,057\% \times 50\%$	0,0285%	52.075.000	-26.957.735	25.117.265
5	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư	$\text{TMĐT} \times 0,215\% \times 50\%$	0,108%	156.950.000	-	156.950.000
6	Chi phí kiểm toán độc lập	$\text{TMĐT} \times 0,328\%$	0,328%	526.768.000	-	526.768.000
7	Chi phí thẩm định lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	QĐ 2751/QĐ-BTNMT ngày 25/9/2023		45.000.000	-	45.000.000
8	Chi phí rà phá bom mìn, vật liệu nổ	Tạm tính		840.000.000	-	840.000.000
9	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông	Tạm tính $0,5\% \times \text{Gxd}$	0,500%	-	484.719.155	484.719.155

10	Chi phí hoàn trả hạ tầng sau khi thi công	Tạm tính		100.000.000	-	100.000.000
11	Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	Dự toán chi tiết		190.229.000	-134.708.000	55.521.000
12	Chi phí thuế tài nguyên	Dự toán chi tiết		318.361.000	-225.249.000	93.112.000
13	Chi phí bảo vệ môi trường	Dự toán chi tiết		403.604.000	-226.890.000	176.714.000
14	Chi phí trồng rừng thay thế	bảng tính		4.391.571.183	2.578.751.498	6.970.322.681
<b>F</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG (LÀM TRÒN)</b>	<b>Gdp1+Gdp2</b>	<b>12,67%</b>	<b>12.259.913.000</b>	<b>3.160.615.000</b>	<b>15.420.528.000</b>
1	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	Bảng tính	5,02%	8.023.688.500	-1.909.583.968	6.114.104.532
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh (không gồm CP GPMB)	(B+C+D+E) x 7,65%	7,65%	4.236.224.513	5.070.198.955	9.306.423.468
	<b>TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (LÀM TRÒN)</b>	<b>A+B+C+D+E+F</b>		<b>146.000.000.000</b>		<b>146.000.000.000</b>

**BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG DO YẾU TỐ TRƯỢT GIÁ**

Chi phí dự phòng (G <sub>XD</sub> ):	
Chi phí xây dựng (G <sub>XD</sub> ):	96.943.831.000
Chi phí thiết bị (G <sub>TB</sub> ):	
Chi phí quản lý dự án (G <sub>QLDA</sub> ):	1.744.284.000
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (G <sub>TV</sub> ):	12.974.968.000
Chi phí GPMB (G <sub>mb</sub> ):	9.169.792.000
Chi phí khác (GK):	9.746.597.000
<b>Tổng chi phí dự kiến thực hiện ở năm t (G<sup>t</sup> XDCT)</b>	<b>130.579.472.000</b>

**CHỈ SỐ GIÁ BÌNH QUÂN**

STT	Thời điểm	Chỉ số giá XD		Tỷ lệ ( Isau / Itrước )	Chỉ số giá XD bình quân
1	2017	101,91 %		0,9999	<b>1,00995</b>
2	2018	101,9 %		0,9846	
3	2019 (gốc 2018)	100,331%		0,9806	
4	2020 (gốc 2018)	98,384%		1,0364	
5	2021 (gốc 2020)	101,966%		1,07835	
6	2022 (gốc 2020)	109,95%		0,9898	
7	2023 (gốc 2020)	108,83%		1,	

**CHI PHÍ DỰ PHÒNG DO YẾU TỐ TRƯỢT GIÁ**

STT	Năm	Vốn phân bổ	Lãi	Chi phí tính	Chỉ số giá XD bình quân	Mức biến động chỉ số giá XD	Dự phòng	Dự phòng
		từng năm	vay	dự phòng			từng năm	lũy kế
		(đồng)	(đồng)	(đồng)			(đồng)	(đồng)
1	2024	52.231.788.800	0	52.231.788.800	1,00995	0,02	1.512.110.286	1.512.110.286
2	2025	78.347.683.200	0	78.347.683.200	1,00995	0,02	4.601.994.246	6.114.104.532
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>130.579.472.000</b>	<b>0</b>	<b>130.579.472.000</b>				<b>6.114.104.532</b>